



ĐÓNG GÓP CỦA NHÀ VĂN ĐOÀN GIỎI CHO VĂN HỌC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP Ở NAM BỘ

Võ Văn Nhơn*

Trường Đại học Cửu Long

*Email: vovannhon2005@gmail.com

Ngày nhận bài: 09/09/2025; Ngày phản biện: 15/10/2025; Ngày duyệt bài: 27/01/2025

TÓM TẮT

Nói đến nhà văn Đoàn Giỏi, người ta hay nhắc đến tác phẩm Đất rừng phương Nam nổi tiếng. Nhưng thật ra nhà văn còn có nhiều đóng góp cho văn học Việt Nam, riêng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ông đã có rất nhiều sáng tác với nhiều thể loại như thơ, bút ký, truyện ngắn, truyện thơ, truyện vừa. Với những đóng góp nhiều mặt của mình, Đoàn Giỏi đã trở thành một nhà văn tiêu biểu của văn học kháng chiến ở Nam Bộ, góp phần làm phong phú cho văn học kháng chiến chống Pháp của cả đất nước.

Từ khóa: Đoàn Giỏi, Nam Bộ, văn học kháng chiến chống Pháp, văn học Nam Bộ, văn học Việt Nam

ABSTRACT

Contributions of writer Doan Gioi to the resistance-war literature in southern Vietnam Writer Doan Gioi is widely remembered for his famous novel *Dat rung phuong Nam* (*Land of the Southern Forest*). However, he is also accounted for many other contributions to Vietnamese literature. During the Anti-French Resistance War 1945-1954, he wrote many works in different genres such as poetry, memoirs, short stories, verse stories, and novellas. With these achievements, Doan Gioi can be considered one of the prominent writers in Southern Vietnam during the resistance war, enriching the literature of the region.

Keywords: Doan Gioi, Southern Vietnam, literature of the Anti-French Resistance War, Southern Vietnam literature, Vietnamese literature

1. Đặt vấn đề

Nói đến nhà văn Nam Bộ Đoàn Giỏi, người ta nhớ ngay đến *Đất rừng phương Nam* hùng danh, một trong những tác phẩm viết cho thiếu nhi bán chạy nhất Việt Nam. Tiểu thuyết này cũng đã từng được chuyển thể thành phim truyền hình nhiều tập *Đất phương Nam* đi vào lòng bao khán giả của màn ảnh nhỏ, gần đây lại được cải biên thành tác phẩm điện ảnh *Đất rừng phương Nam* gây nhiều tranh cãi. Bên cạnh đó Đoàn Giỏi còn có nhiều đóng góp cho văn học Việt Nam, riêng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, nhà văn đã có nhiều sáng tác với rất nhiều thể loại như thơ, bút ký, truyện ngắn, truyện thơ, truyện vừa, góp phần làm phong phú cho văn học kháng chiến chống Pháp của cả nước. Nhưng các tác phẩm đáng quý này đến nay vẫn chưa được giới thiệu, nghiên cứu một cách thấu đáo. Bài viết của chúng tôi sẽ giới thiệu những đóng góp đáng ghi nhận này của nhà văn tài năng Đoàn Giỏi.

2. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là những tác phẩm của Đoàn Giỏi được viết trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Chúng tôi đã sưu tầm, phân tích và tổng hợp tư liệu để có thể hệ thống những sáng tác của Đoàn Giỏi trong kháng chiến chống Pháp theo hướng tiếp cận lịch sử - xã hội. Các phương pháp so sánh, phương pháp phê bình tiểu sử cũng được chúng tôi sử dụng để nêu bật được những đóng góp đặc sắc của Đoàn Giỏi cho văn học kháng chiến chống Pháp qua việc so sánh với những nhà văn đồng thời, những nhà văn kháng chiến ở miền Bắc.

3. Kết quả

Bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Đình Thi có một bút ký rất nổi tiếng là *Nhận đường* viết cuối năm 1947 để thổ lộ những băn khoăn, trăn trở của các văn nghệ sĩ khi đến với cuộc kháng chiến của dân tộc. Nó giống như “một cuộc lột vỏ... da non mới mọc chưa lành, một cái gì chạm phải cũng nhỏ máu” (Nguyễn Đình Thi, 1948, tr. 3). Nhưng rồi với tinh thần “tất cả cho kháng chiến, tất cả cho dân tộc”, các văn nghệ sĩ đã vượt qua bản

khảo, trăn trở đó. “Những ngày tháng Tám, chúng ta bước từ một thời đại lịch sử sang một thời đại mới. Hàng chục triệu con người ra khỏi những khoảng đêm đẫm máu, rỏ nước mắt khóc, vui sướng ôm lấy nhau, quàng nhau dưới bóng cờ đỏ, vùng dậy trước mũi súng ngơ ngác của tụi phát xít Nhật. Mỗi người chúng ta không còn yếu ớt riêng lẻ. Chúng ta đã tìm thấy bao trùm lên chúng ta, bao trùm lên gia đình làng xóm chúng ta còn cái lớn lao chung: Ấy là dân tộc” (Nguyễn Đình Thi, 1948, tr. 3).

Nguyễn Tuân trước đó, ngay sau Cách mạng tháng Tám 1945, đã viết tùy bút *Vô đề* để nói về tâm trạng của trí thức cũ khi đến với cách mạng. Ông ví mình như con gián non mới lột xác lúng túng vỗ đôi cánh bay vào cuộc đời mới đầy xa lạ, điều đó khó khăn làm sao. Phải tước đi những tâm sự cũ, phải chôn đi những hình bóng của cuộc sống vừa qua, phải coi những ý nghĩ và rung động cũ như là những cố nhân bề bàng, điều đó đau đớn biết chừng nào (1).

Khi nghiên cứu văn học kháng chiến Nam Bộ, chúng tôi hiếm khi bắt gặp những nhà văn nổi tiếng thời trước “nhận đường” như các trường hợp các nhà văn ở miền Bắc. Ngay cả Nguyễn Bính, một thi sĩ nổi tiếng của nông thôn và tình yêu trước Cách mạng tháng Tám, cũng không có bản khảo, trăn trở gì khi đến với cách mạng, kháng chiến. Nhà văn Phạm Tường Hạnh cho biết đã nhìn thấy Nguyễn Bính trong đoàn người tiến về Sài Gòn với miệng cười rộng mở, hai tay giương cao ngọn cờ như chưa bao giờ ông được cười sung sướng đến vậy (Phạm Tường Hạnh, 2020, tr.13). Không như nhiều nhà Thơ mới đã quen lặn sâu dưới đáy của cái tôi cá nhân hoặc đắm chìm trong tình yêu đôi lứa, vì thế khi đến với cuộc kháng chiến lớn của dân tộc, họ đã lúng túng một thời gian dài để có thể gột rửa cái cũ trước khi hình thành một giọng điệu, một phong cách thơ mới, Nguyễn Bính đã nhanh chóng sớm có những thành công, như Sơn Nam đã từng đánh giá: “Nguyễn Bính là thi nhân duy nhất có tên trong Thi nhân Việt Nam đã tham gia kháng chiến tại miền duyên hải vịnh Xiêm La. Anh



khởi xướng việc thành lập Đoàn văn hóa Cứu quốc tỉnh Rạch Giá, cho ra mắt tập thơ yêu nước sau khi vào chiến khu chùng một đôi tháng” (Sơn Nam, 1966, tr. 60).

Trường hợp có thể xem là “nhận đường” hiêm hoi của văn xuôi kháng chiến Nam Bộ có lẽ là Đoàn Giỏi với truyện ngắn Đường về gia hương, in trong tập truyện Đường về gia hương do Phân hội Văn nghệ Mỹ Tho xuất bản năm 1949. Truyện vốn được phát triển từ truyện ngắn đầu tay của ông là Nhớ cố hương đăng trên Nam Kỳ Tuần báo số Tết năm 1943. Nhớ cố hương kể về một thằng bé con nhà nghèo, theo cha đi ở đợ phương xa, nhưng cha chết nên phải tiếp tục làm mướn để trừ nợ cho bà chủ độc ác. Gần Tết, thằng bé nhớ nhà, nhớ mẹ, nhớ em còn cào nên bỏ trốn về quê. Đi đường hai ngày cực khổ dưới trời nắng đỏ chang chang, đói lả, kiệt sức, sốt mê man, lại không dám ngửa tay xin ăn, nó nằm mơ thấy một bà tiên đưa nó về quê hương. Nó mừng quá kêu lên “Cố hương! Cố hương!” rồi giật mình tỉnh dậy, lòng đầy hụt hẫng.

Đoàn Giỏi kể lại rằng ban đầu ông viết cái kết rất bé tấc: thằng bé được thấy cố hương lần nữa nhưng là trong giấc mê man, rồi sau đó “Một hơi gió thoảng đưa hồn nó vào ngôi miếu hoang giữa đồng”. Nhưng sau khi gửi truyện cho Nam Kỳ tuần báo, lúc bấy giờ do Hồ Biểu Chánh làm chủ nhiệm, nhà văn lão thành đã cho người em đến tận trường mời tác giả qua gặp tại nhà riêng bên Vĩnh Hội. Sau khi hỏi thăm gia cảnh, chuyện học hành, việc đọc sách của Đoàn Giỏi, nhà văn bậc thầy mới nhận xét về truyện ngắn trong sự hồi hộp chờ đợi của cây bút trẻ: “Truyện cũng đọc được. Nhưng Tết là ngày đoàn tụ gia đình, thằng nhỏ lưu lạc khốn cùng, nhớ quê hương tìm về với mẹ với em... mà để nó chết thảm dọc đường thì tội quá. Tôi định sửa lại như vậy, không biết ý trò có chịu không?” Và Hồ Biểu Chánh trao cho Đoàn Giỏi trang bản thảo với đoạn văn vừa sửa của ông. Hồ Biểu Chánh cho rằng cái kết này quá thô thảm, không phù hợp lắm với không khí ngày Tết đoàn tụ, nên đã đề xuất một cái kết khác: một người phụ nữ giàu sang, xinh đẹp vô tình đi ngang qua đũa

trẻ bất hạnh, động lòng thương xót, mua thuốc cho nó uống và đưa nó về quê hương đón một cái Tết đoàn viên, vì “Làm phước có mất đi đâu mà sợ”. Cậu học trò Đoàn Giỏi mười bảy tuổi năm ấy đã nhanh chóng lĩnh ý nhà tiểu thuyết lừng danh Hồ Biểu Chánh, và cái kết này xuất hiện trên Nam Kỳ Tuần báo năm 1943 (2). Cái kết này thể hiện tư tưởng, khuynh hướng đạo lý muôn thuở trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, nó phản ánh ước mơ đạo lý của người bình dân về cái thiện thắng cái ác, lòng tốt thì được đền bù còn tội ác tất phải bị trừng trị. Đó là thế mạnh mà cũng là hạn chế trong sáng tác của nhà văn đạo lý Hồ Biểu Chánh.

Vì thế nên đến năm 1948, Đoàn Giỏi viết lại câu chuyện dưới tựa đề Đường về gia hương, và cái kết được thay đổi một lần nữa. Đứa bé không chết dọc đường, cũng không tình cờ được người đàn bà giàu sang nhân đức cứu khổ, mà trên đường về quê nó chứng kiến không khí sôi sục bất bình khi Pháp lấn le tái chiếm Nam Bộ, và nhanh chóng hòa vào dòng người kháng Pháp bảo vệ quê hương. Từ cái nhìn đầy bi kịch về hiện thực, Đoàn Giỏi, dưới ánh sáng của cuộc đời mới và tư duy văn học mới, đã mang đến cho nhân vật của mình một số phận khác. Ở đây, có thể thấy “đôi mắt” quan sát nhân sinh của Đoàn Giỏi đã thay đổi như Nam Cao, Nguyễn Công Hoan, Kim Lân... ở miền Bắc, từ chỗ chỉ nhìn thấy sự bất lực của phận người bé mọn đã nhận ra sức mạnh đổi thay thời cuộc của họ. Tuổi đời và tuổi nghề của Đoàn Giỏi ít hơn rất nhiều so với những nhà văn kể trên và Cố hương cũng chỉ là tác phẩm đầu tay đơn lẻ của ông trước Cách mạng tháng Tám, nên sự thay đổi ở Đoàn Giỏi cũng diễn ra hết sức nhanh chóng, không dằn vặt trần trờ như quá trình “nhận đường” của các nhà văn lớp trước. Từ đổi thay ấy, Đoàn Giỏi đã mau chóng có nhiều đóng góp cho văn học kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ.

Ngay sau khi Pháp trở lại xâm lăng nước ta, Đoàn Giỏi đã trở lại quê hương tích cực tham gia kháng chiến. Giống như Tú Mỡ giai đoạn đó đã làm ca dao vận động nhân dân tiêu tiền rách, Nam Cao viết sách giáo khoa địa lý



làm nhân viên thu thuế trong vùng địch hậu, Chế Lan Viên làm phóng viên cho tờ Quân du kích, Thanh Tịnh sáng tạo ra thể độc tấu để tuyên truyền cho kháng chiến, Nguyễn Bính làm ca dao, hò, vè để phục vụ kháng chiến ... Đoàn Giỏi dù là một công tử con của đại điền chủ, nhưng trước cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc cũng không nề hà các công việc mà cách mạng, kháng chiến giao cho. Ông đã làm cán bộ thông tin, trưởng công an xã, trình sát công an, phụ trách văn nghệ kiêm chủ bút báo Tiền Phong, Phó Ty tuyên truyền tỉnh Mỹ Tho phụ trách phòng văn nghệ, Phó Ty thông tin Rạch Giá, rồi Ủy viên Ban chấp hành Hội văn nghệ Nam bộ, Phó Phòng văn nghệ Sở Thông tin Nam bộ, thư ký toà soạn tạp chí Lá Lúa. Ông cũng tích cực tham gia hoạt động trong nhóm văn nghệ Đồng Tháp Mười (gồm Nguyễn Bính, Đoàn Giỏi, Bảo Định Giang, Nguyễn Đức Hình, Việt Ánh). Năm 1954, ông còn vào vùng địch hậu Vĩnh Châu, tham gia đoàn Tuyên truyền báo chí.

Trong thời kỳ kháng chiến, ông cũng tiếp tục sáng tác thơ gửi cho các báo trong vùng tạm chiếm, ví dụ bài Tư lương nhân đảng trên Dân báo, hay bài Mười hai bến nước đăng trên tờ Ánh sáng. Nhưng đóng góp nhiều nhất vẫn là những sáng tác cho văn học kháng chiến.

Thời kỳ đầu kháng chiến Đoàn Giỏi làm khá nhiều thơ, như hai bài thơ sáng tác trong khoảng thời gian 1947 – 1949 sau đây:

*Kinh thành ẩm gối êm chăn
 Gió lên mở rộng vàng trăng đương tròn
 Lầu cao hoa thắm gót son
 Hơi đâu mà nhắc dặm mòn quê xưa
 Sá gì cái chuyện tóc tơ
 Kể đi áo rách ngoài bờ cỏ khâu
 Người ta thường nói mãi câu
 Kể đi chinh chiến hơi đâu mà chờ
 Đường về Phú Túc xa lơ
 Trời mưa lá rụng, bùn sớ dẫu giầy.*

Bài thứ hai tên là *Đường về Chợ Gạo* được viết năm 1948:

*Ai về Chợ Gạo canh sương gió
 Một tiếng gà trưa dậy cuối thôn
 Hơ hời đầu cau trắng róm máu*

*Mồ hoang lặng lẽ ngủ ven đường.
 Gió nấc âm thầm sau khóm tre
 Bờ xa cỏ lấp lói đi về
 Thước gươm mẻ dấu ngày thu trước
 Dòng lệ oan cừu xuống nặng mi
 Chiếc áo mùa xưa giờ chừa bạc
 Thù xây ngân ngắt hận mang mang
 Nằm nghe gió trở dầy đêm lạnh
 Mà thức bên lòng chuyện Hữu Huân.*

Thơ ông trong thời kỳ đầu kháng chiến này như thể cũng nằm trong cảm hứng lãng mạn anh hùng của thơ kháng chiến trong cả nước với một ngôn ngữ thơ vay mượn từ hệ thống thi pháp thơ lãng mạn như Ngày về của Chính Hữu, Nhớ Tây Tiến của Quang Dũng, Nhà tôi của Yên Thao... Chính ông cũng từng thừa nhận: “Trong thời gian này tôi vẫn làm thơ, ngôn ngữ còn hoa mỹ, khuôn sáo, như bài gửi cho Thẩm Thệ Hà - người bạn trước kia cùng học - đang dạy học ở vùng địch tạm chiếm: Đường không cách mấy quan san/ Ta chờ người ở bên trăng sông Tần. Hồi đó nếu ai còn dùng quan san, người, sông Tần cũng là chuyện bình thường” (Phong Lê, 2002, tr. 728).

Trong văn học kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ có thể loại truyện thơ. Thể loại này xuất hiện phong phú nhằm khái quát một dung lượng hiện thực lớn, nhằm khắc họa các số phận những con người từ nghèo khổ tăm tối nhờ cách mạng mà bước ra ánh sáng, ca ngợi những tấm gương anh dũng trong kháng chiến như Ông lão mài gươm của Nguyễn Bính, Bà mẹ anh hùng của Xuân Miến... Đặc biệt, các truyện thơ viết theo kiểu kể thơ Lục Vân Tiên ở Nam Bộ dễ phổ biến trong quần chúng như Chú Hai Neo của Nguyễn Hải Trưng, Anh Ba Thắng của Việt Ánh... được hoan nghênh rất nhiệt liệt. Riêng Đoàn Giỏi cũng đóng góp cho thể loại gần gũi với quần chúng này bằng truyện thơ Chuyện thằng Còi.

Bên cạnh truyện thơ, thời kỳ này ở chiến khu cũng có những vở kịch thơ đáng chú ý như vở Những người cộng sản của Phạm Minh Hòa nói về cuộc đấu tranh anh dũng của những người tù Côn Đảo, vở Thủ khoa Huân được giải thưởng của Viện Văn hóa Nam Bộ năm



1949, và vở Áo đêm trắng của Nguyễn Bình. Kịch thơ Áo đêm trắng được công diễn lần đầu tiên vào đêm 20/1/1948 trong lễ phong quân hàm cho trung tướng Nguyễn Bình ở chiến khu Đồng Tháp Mười. Vở kịch chỉ có một màn, kể về cô nữ cứu thương tiền người yêu là anh bộ đội lên đường trong một đêm trăng sáng, khoác cho anh chiếc áo cô may tặng anh cho bớt lạnh. Nguyễn Bình thủ vai anh bộ đội, còn Đoàn Giỏi giả gái đóng cô cứu thương. Đêm diễn thành công đến nỗi nó đã được nhắc lại trong rất nhiều hồi ký của người cùng thời như Hoàng Tấn, Phạm Tường Hạnh (3).

Thể loại ký cũng có những đóng góp đáng chú ý trong văn học kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ. Trong suốt chín năm, ký luôn chứng minh là người thư ký nhạy bén và trung thành của cuộc kháng chiến chống Pháp ở miền Nam, lưu giữ lại những sự kiện nóng bỏng, những gian khổ và niềm vui của những ngày tháng một đi không trở lại. Tội ác của thực dân, phong trào tòng quân giết giặc, việc sản xuất, chiến đấu, địch vận, giảm tô, trừ gian diệt ác... đã được phản ánh trong Cậu bé anh hùng của Vô Ngã, Một cuộc tuyên thệ lịch sử (Vô Danh), Đường vệ quốc của Nguyễn Phúc, Lòng trai của Khương Minh Ngọc, Ba ngày vui sum họp của Phạm Công Bình, Tinh hậu phương của Lạng Sơn, Chết trong cảnh đói của Chí Linh (tức Mai Văn Tạo), Tờ bạc cụ Hồ và Thăm trại thương binh của Phạm Tường Hạnh, Tết quê người, Bầy chim đánh rắn, Chiến sỹ Tầm Vu, Vàng ánh sáng đục, Du kích Chánh Phú Hòa, Tự vệ Hòa Lân, Qua vùng nguy...

Riêng Đoàn Giỏi trong kháng chiến chống Pháp cũng đóng góp khá nhiều bút ký, năm 1946 bài tùy bút Hướng về thủ đô của ông cũng được đăng trên tờ Thông tin Mỹ Tho. Ngoài ra ông còn có Khí hùng đất nước, Người Nam thà chết không hàng, Những dòng chữ máu Nam Kỳ bốn mươi. Chiến sỹ Tháp Mười...

Với thể loại truyện ngắn, Đoàn Giỏi cũng có những đóng góp rất quan trọng. Ông đã xây dựng nên những nhân vật thiếu nhi, nông dân đầy anh dũng, trong đó tiêu biểu là nhân vật thiếu niên Nguyễn Văn Xe trong truyện ngắn

Em đã cầm cờ xung phong cho bộ đội tiêu diệt đồn Bắc Sa Ma trong chiến dịch Cầu Kè.

Tuy chưa tạo ra được những nhân vật cụ thể đầy đặn, có cá tính, có chiều sâu nhưng những truyện ngắn trong văn học kháng chiến Nam Bộ vẫn để lại bản sắc Nam Bộ đậm đà. Với bản sắc ấy, bà má Năm Căn của Đoàn Giỏi, cùng với nhật vật em Tiền của Minh Lộc, vẫn có thể sánh ngang với một ông Hai đầy đặn vật nội tâm và đau đáu yêu làng của Kim Lân trong truyện ngắn Làng hay cô Mị khôn khéo nơi núi rừng Tây Bắc trong Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài. Họ đóng góp cho bức tranh văn học kháng chiến cả nước sắc thái khẳng khái, bộc trực, hồn nhiên rất Nam Bộ. Riêng Đoàn Giỏi còn không cho bà má Năm Căn trong truyện ngắn Cây đước Cà Mau một cái tên, nhưng cuộc đời lận đận của má, sự hồn hậu chân tình, lòng thương con, thương chiến sỹ, thương Bác Hồ và tấm lòng hướng về miền Bắc lại đại diện cho mọi bà mẹ khác của xứ Cà Mau và của cả Nam Bộ. Một người mẹ cụ thể đã trở thành biểu tượng của một vùng đất, bà má Năm Căn từ truyện ngắn của Đoàn Giỏi có thể trở thành nguồn cảm hứng cho thơ nhạc về sau, như trong bài thơ Bà má Năm Căn (1961) của Xuân Diệu hay “Ta nhớ má Năm Căn, ta thương em Cửa Việt” trong bài thơ Trường Sơn (1968) của Gia Dũng, sau này nổi tiếng hơn khi được nhạc sỹ Trần Chung phổ nhạc thành Bài ca Trường Sơn.

Ngoài những thành công ở thể loại truyện ngắn, còn phải kể đến truyện vừa Cá bóng mú của Đoàn Giỏi, đạt giải khuyến khích giải Văn nghệ 1954-1955 do Hội Văn nghệ Việt Nam trao tặng. Đây là một trong những tác phẩm dài hơi hiếm hoi của văn học kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ nói riêng và văn học kháng chiến chống Pháp nói chung. Tác phẩm kể câu chuyện tâm linh huyền bí để giải thích một hiện tượng tự nhiên là sự sụt lở của những vùng ven sông ở miền đất Cửu Long Giang. Đoàn Giỏi đã dùng câu chuyện cá bóng mú thần đảo hang quây phá dưới lòng đất để răn đe những kẻ gian ác, chúng thường xây những biệt thự sang trọng đồ sộ ngay mé sông. Nếu chúng không biết ăn



năn hồi cải, vẫn đang tâm cướp bóc tàn nhẫn tá điền thì quả báo là điều chắc chắn. Tiểu thuyết này của Đoàn Giỏi làm hiện lên một vùng nông thôn Nam Bộ nghèo xơ xác “Đón cây bẻ lá che một cái chòi trống trơn, có cửa nẻo gì đâu”, với những người dân cầm củi làm ăn cả đời nhưng được thì ít mà mất mát thì nhiều “Vợ chồng cũng có sinh hạ được mấy người con nhưng vì nghèo đói, sài đẹn, không thang thuốc chết lần hồi cả”, thường xuyên đối mặt với sự đe dọa từ thiên nhiên hoang dã và sự hiểm ác của tầng lớp thống trị. “Mỗi miếng ruộng khai hoang đổi mấy mạng người” mà tên hương cả Hùng cướp trắng ba công ruộng lúa chín trĩu bông của gia đình anh Bảy Phát chỉ bằng việc “Soạn tằm bán đồ trái lên bàn... Cuối xóm Kèo Nèo đổ về xóm Lươn ba cây số là đất của tao đây mày thấy chưa?” Thê là chớp mắt, người có công khai phá bồng trắng tay, trở thành người làm thuê trên đất đai xương máu của mình, cả đời mắc nợ địa chủ.

Ngoài sáng tác, Đoàn Giỏi còn giới thiệu và dịch một số tác phẩm nước ngoài, như Anh chỉ nói với em về niềm hy vọng của nhà văn cách mạng Brasil George Amado đăng trên Thông tin Rạch Giá (1950), Bà mẹ kiên nhẫn của nhà thơ Pháp Pierre Gamarra đăng trên Văn nghệ miền Nam (1951).

4. Bàn luận

Thành tựu của văn học kháng chiến chống Pháp trên phạm vi cả nước còn rất khiêm tốn, văn học kháng chiến của Nam Bộ, do hoàn cảnh khắc nghiệt của chiến tranh, đã chịu nhiều mất mát, lãng quên. Ngoài nhiều tác phẩm của Nguyễn Bính, Trường ca *Chiến thắng Hòa Bình* của Viễn Phương, *Bên rừng Cù lao Dung* của Sơn Nam (từng đoạt giải nhất văn học Cửu Long do Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ tổ chức), tiểu thuyết 2747 của Trần Văn An, tiểu thuyết *Vỡ đất* của Hoàng Văn Bôn..., nhiều bài thơ, bút ký của Đoàn Giỏi, trong đó có truyện thơ *Chuyện thằng Còi* cũng bị thất lạc chưa sưu tầm lại được.

Tuy nhiên, với những gì còn lại, Đoàn Giỏi, với những đóng góp nhiều mặt của mình, đã trở thành một nhà văn tiêu biểu của

văn học kháng chiến ở Nam Bộ, góp phần làm phong phú cho văn học kháng chiến Nam Bộ nói riêng và văn học kháng chiến chống Pháp của cả nước nói chung. Là một nhà văn yêu mến quê hương Nam Bộ, cần mẫn, say mê và sống hết mình với văn chương, các tác phẩm của ông đã góp phần giới thiệu con người và mảnh đất phương Nam hồn hậu mà ông vô cùng yêu mến trong cuộc đời sáng tác phong phú của ông, như nhà thơ Xuân Diệu đã từng trân trọng ghi nhận: “Miền Nam có Đoàn Giỏi là một tự hào lớn, và chỉ có Đoàn Giỏi mới có nhân vật, phong cách ngôn ngữ, phong tục của vùng đất hào hùng đó” (Đoàn Minh Tuấn, 2005, tr. 83).

5. Các ghi chú

(1) Dẫn lại theo Hoàng Như Mai. 1982. Văn học Việt Nam hiện đại (quyển I). Khoa Ngữ văn Việt Nam, Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 22.

(2) Đoàn Giỏi. 1988. “Bốn mươi sáu năm trước lần đầu gặp nhà văn Hồ Biểu Chánh”. *Tạp san Văn*, số 2, tr. 122.

(3) Phạm Tường Hạnh (2020), Tuyển tập, Nxb Văn học, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 27.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Giỏi, Đ. (1988). “Bốn mươi sáu năm trước lần đầu gặp nhà văn Hồ Biểu Chánh”. *Tạp san Văn*, số 2, tr.117-123.
- Hạnh, P.T. (2020), *Tuyển tập*, Nxb Văn học, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phong . L (chủ biên) (1985), *Cách mạng, kháng chiến và đời sống văn học 1945-1954: Hồi ức, kỷ niệm. Tập 1*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội.
- Mai, H.N. (1982), *Văn học Việt Nam hiện đại (quyển I)*. Khoa Ngữ văn Việt Nam, Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Sơn Nam (1966), “Vài kỷ niệm về nhà thơ Nguyễn Bính trong thời kỳ kháng chiến ở miền Nam”. *Tạp san Văn*, số 60, tr. 59-67.
- Thi, N.Đ. 1948. “Nhận đường”. *Tạp chí Văn nghệ*, số 1, tr. 3-14.
- Tuấn, Đ.M. 2005. “Có một nhà văn – chiến sĩ công an”. *Tạp chí Nhà Văn*, số 11, tr. 75-82.

